

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng trạm bê tông thương phẩm Tân Thành 1 tại xã Thúy Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Tân Thành 1.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Trạm trộn bê tông thương phẩm Tân Thành 1 tại xã Thúy Sơn, huyện Ngọc Lặc và được gia hạn tại văn bản số 3987/UBND-NN ngày 29/3/2021;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Trạm trộn bê tông thương phẩm Tân Thành 1 tại xã Thúy Sơn, huyện Ngọc Lặc tại hội nghị thẩm định báo cáo ĐTM họp ngày 09/4/2021; nội dung Báo cáo ĐTM của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 36/CV-TT1 ngày 22/6/2021 của Công ty TNHH Tân Thành 1;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 524/Tr-STNMT ngày 05/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Trạm bê tông thương phẩm Tân Thành 1 tại xã Thúy Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Tân Thành 1 (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thúy Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc, Giám đốc Công ty TNHH Tân Thành 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng trạm bê tông thương phẩm Tân Thành 1 tại xã
Thúy Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
của Công ty TNHH Tân Thành 1
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Tên dự án: Trạm bê tông thương phẩm Tân Thành 1 tại xã Thúy Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tân Thành 1

- Đại diện: Ông Lê Văn Hoàn - Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ: Số 136 Phố Cao Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

- Điện thoại: 0373.692.061

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

- Dự án đầu tư xây dựng trạm bê tông thương phẩm Tân Thành 1 tại xã Thúy Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa có tổng diện tích 13.819,3m². Bao gồm các công trình: Nhà điều hành, Nhà nghỉ ca, nhà ăn, nhà vệ sinh, nhà kho, nhà trục, nhà trạm cân, nhà để xe, trạm trộn bê tông thương phẩm, sân bãi nguyên liệu, thành phẩm và các công trình phụ trợ khác.

- Công suất trạm trộn bê tông thương phẩm: 180m³/h/02 dây chuyền.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân khoảng 5,5m³/ngày.đêm (trong đó nước thải vệ sinh: 2,2 m³/ngày.đêm; nước thải rửa tay chân: 2,2 m³/ngày.đêm; nước thải nhà ăn: 0,44 m³/ngày.đêm); thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải sản xuất phát sinh trong quá trình sản xuất bê tông thương phẩm khoảng 5,32 m³/ngày; nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị là 2,00 m³/ngày; nước thải từ quá trình rửa xe khoảng 16,4 m³/ngày; thành phần chủ yếu bao gồm: Chất rắn lơ lửng, cặn đá, cát, xi măng...

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án có lưu lượng 0,92m³/s; thành phần chứa các chất rắn lơ lửng, cát, đá,...

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất bê tông thương phẩm; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động từ các phương tiện vận chuyển và công nhân viên ra vào nhà máy; mùi từ khu tập kết chất thải rắn và khu xử lý nước thải tập trung; thành phần chủ yếu: Bụi, SO₂, NO_x, CO, NH₃, H₂S...

2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân tại nhà máy khoảng 55 kg/ngày, thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, giấy, bìa cát tông, giẻ vụn, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình nấu ăn tại nhà máy có khối lượng khoảng 66kg/ngày; thành phần chủ yếu là cơm thừa, vỏ tôm, cua, ốc, hến, giấy ăn, rau loại bỏ...

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động vận chuyển vật liệu như đá, cát,... có khối lượng khoảng 1,93 m³/ngày. Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất bê tông thương phẩm có khối lượng khoảng 1,44 m³/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình quét dọn vệ sinh khuôn viên dự án có khối lượng khoảng 8,0kg/ngày.đêm; thành phần chủ yếu bao gồm lá cây, giấy vụn, cát, đá rậm, mặt đá,...

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 0,44 kg/ngày bao gồm giẻ lau dính dầu mỡ, bình ắc quy, bóng đèn hỏng...; Chất thải rắn lỏng nguy hại phát sinh khoảng 0,66kg/ngày chủ yếu dầu nhớt thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của trong giai đoạn vận hành của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý qua 02 bể tự hoại , dung tích 10 m³/bể (kích thước 3,8mx2,0mx1,32m); Nước thải từ khu nhà ăn được thu gom xử lý qua bể tách dầu mỡ, dung tích 0,3 m³ (kích thước: 1,2mx0,5mx0,5m); Nước thải rửa tay chân, giặt được thu gom qua song chắn rác; 03 dòng nước thải trên được dẫn vào ao sinh học với dung tích 405m³ (kích thước: 18mx15mx1,5m) có thả bèo, rau muống... và dẫn qua bể khử trùng, có dung tích 5,0m³ (kích thước: 2,0mx2mx0x1,25m) trước khi thải ra môi trường.

b. Nước thải sản xuất:

- Nước thải từ quá trình rửa thiết bị được thu gom qua 01 bể lắng 03 ngăn có thể tích 7,8m³ (kích thước dài × rộng × cao = 3,0m × 1,3m × 2,0m); Nước thải từ quá trình rửa xe được xử lý qua 01 bể lắng tách dầu có thể tích 4,8m³ (kích thước dài × rộng × cao = 2,0m × 1,6m × 1,5m). Nước thải sau khi qua các bể trên được thải ra mương thoát nước chung phía Tây Nam khu đất dự án.

c. Nước mưa chảy tràn

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt được thu gom theo tuyến mương thoát nước có chiều dài 580m, trên hệ thống mương thoát bố trí 25 hố ga lắng cặn (kích thước dài × rộng × cao = 0,6m × 0,6m × 1,2m) trước khi thoát ra mương thoát nước chung phía Tây Nam khu đất dự án.

3.2. Về bụi, khí thải:

- Dây chuyền sản xuất bê tông thiết kế khép kín; bố trí dàn phun sương tại khu vực trạm trộn, bãi chứa nguyên vật liệu, khu vực chứa thành phẩm,

tuyến đường từ trạm trộn ra khỏi khuôn viên dự án... để giảm thiểu bụi trong quá trình sản xuất. Vào những ngày nắng, nóng khô hanh tần suất phun nước được tăng cường thêm.

- Bố trí công nhân thường xuyên vệ sinh khu vực xưởng, đường giao thông, nạo vét bùn lắng hệ thống đường ống thoát nước; quét dọn vật liệu rơi vãi trong khu vực nhà máy.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân làm việc tại nhà máy, với số lượng 02 bộ/người/năm.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Chất thải rắn sinh hoạt:

- Tại khu vực nhà văn phòng (nhà điều hành): Trong mỗi phòng làm việc trang bị 05 thùng rác. ,

- Khu vực sân, đường bên ngoài khu nhà bố trí 02 thùng rác loại 50 lít, thùng màu xanh đựng CTR hữu cơ, thùng màu vàng đựng CTR vô cơ.

- Tại khu vực rửa xe bố trí 1 thùng đựng rác loại 20 lít/thùng để chứa các loại rác thải từ quá trình rửa xe như rẻ lau, vỏ hộp, chai lọ dầu đã dùng hết...

- Tại khu nhà ăn bố trí 2 thùng đựng rác 100 lít để chứa thức ăn thừa, sau đó tận dụng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm.

- Toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt trên được thu gom vào 02 thùng chứa tập trung có dung tích 500 lít/thùng; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý, tần suất 01 lần/ngày.

b. Chất thải rắn sản xuất:

- Đất đá rơi vãi được thu gom, tận dụng làm nguyên liệu sản xuất.

- Khối lượng bê tông thừa rơi vãi trong quá trình sản xuất không lớn và không độc hại, khối lượng này sẽ được tận dụng để san lấp mặt bằng khu vực dự án.

c. Chất thải rắn vệ sinh môi trường:

- Chất thải rắn từ quá trình quét dọn vệ sinh khuôn viên được thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại được thu gom vào 01 thùng chứa có dung tích 500 lit/thùng; Chất thải lỏng nguy hại được thu gom vào 01 thùng chứa dung tích 500 lit/thùng. Các thùng này có nắp đậy, dán nhãn và đặt tại khu tập kết rác thải tập trung. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn vận hành

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

4.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu; độ rung, tiếng ồn, bụi, bụi Silic, bụi PM₁₀, bụi PM₂₋₅, SO₂, CO, NO₂.

- Vị trí giám sát:

+ KK1: Mẫu không khí tại phía Tây bãi tập kết cát, đá;

+ KK2: Mẫu không khí tại khu vực trạm trộn bê tông.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Quyết định số 3733/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

+ QCVN 02: 2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;

+ QCVN 03: 2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

4.2. Giám sát chất lượng nước thải

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng, Tổng Nito, Tổng photpho, dầu mỡ, Coliform.

- Vị trí giám sát:

+ NT1: Mẫu nước sau bể khử trùng trước khi thải vào kênh phía Tây Nam dự án;

+ NT2: Mẫu nước của hệ thống thoát nước mưa và nước thải sản xuất trước khi thải ra kênh phía Tây Nam dự án.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 14: 2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Áp dụng giá trị C, cột B với hệ số K = 1).

+ QCVN 40: 2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Áp dụng giá trị C, cột B)/.